

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-4-2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Hoàng và bà Đoàn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** *Chị Trần Nguyễn Thị T, sinh năm 1996. (có mặt)*

Địa chỉ: Số 72/11 đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*** Bị đơn:** *Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1997 (có đơn xin mặt).*

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Trần Nguyễn Thị T trình bày:** Chị T và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2019, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/3/2023. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, hai bên có hàn gắn nhưng không thành và cũng đã ly thân từ tháng 02/2024. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị T yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Chị Trần Nguyễn Thị T cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Chị Trần Nguyễn Thị T xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/02/2022. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng

con chung và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 28/02/2024, bị đơn – anh Nguyễn Chí L trình bày:** Anh Nguyễn Chí L xác nhận việc vợ chồng chung sống là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Chí L xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/02/2022. Anh L đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Chí L xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – chị Trần Nguyễn Thị T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Chí L. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – anh Nguyễn Chí L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2024. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/3/2023 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Nguyễn Thị T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2024. Đồng thời, anh Nguyễn Chí L cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Chị Trần Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí L thống nhất xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/02/2022. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn chị Trần Nguyễn Thị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí L đều thống nhất xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/02/2022 cho chị Trần Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Chí L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Chí L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chí L thống nhất xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004912 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị Trần Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thập